

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 176

THIÊN NGUYÊN CHỦ  
THUYỀN TẬP ĐÔ TỰ

SỐ 2015  
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 2015

## HÀNH TRẠNG CỦA ĐẠI SƯ VÔ TƯỚNG

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác ở Ôn Châu. Sư người Vĩnh Gia, họ Đới. Sư xuất gia thuở nhỏ, đọc hết Tam Tạng, tinh thông ý chỉ Thiền Thai. Quán pháp môn viên diệu, đi đứng nằm ngồi thường thiền quán, về sau nhờ Thiền sư Tư Cốc Lãng khích lệ và Thiền sư Đông Dương Sách cùng đến Tào Khê. Buổi đầu đến Tào Khê chống gậy cầm bình, đi nhiều quanh Lục Tổ ba vòng. Tổ nói: “Phàm làm Sa-môn phải đủ ba ngàn uy nghi, tám muôn tế hạnh, Đại đức từ pháp nào đến mà lại đại ngã mạn vậy?” Sư thưa: “Sanh tử là việc lớn, vô thường nhanh chóng”. Tổ nói: “Sao không thể nhận vô sanh, liễu được không mau chóng đi?” Sư thưa: “Thể tức vô sanh, liễu vốn không nhanh”. Tổ nói: “Đúng vậy, đúng vậy”. Bấy giờ đại chúng đều ngạc nhiên, sư mới đầy đủ uy nghi tham lễ, sau đó xin cáo từ. Tổ nói: “Sao trở về mau vậy?” Sư thưa: “Vốn tự chẳng động, há có mau chẳng?” Tổ nói: “Ai biết chẳng động”. Sư thưa: “Nhân giả tự sanh phân biệt”. Tổ nói: “Ông đã đạt được ý vô sanh”. Sư thưa: “Vô sanh há có ý sao?” Tổ nói: “Không ý thì ai phân biệt”. Sư thưa: “Phân biệt cũng không có ý”. Tổ khen: “Rất tốt, rất tốt”. Sư ở lại Tào Khê một đêm, bấy giờ thường gọi Sư là “Nhất tức giác” Huyền Sách ở lại với Lục Tổ sáng mai xuống núi trở về Ôn Giang, Học giả từ xa kéo đến rất đông. Sư hiệu là Đại sư Chân Giác, Sư có viết bộ Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ, nói lên ý chỉ từ cạn đến sâu. Ngụy Tĩnh Thứ sử Quảng Châu gom lại thành mười quyển đề tựa là Vĩnh Gia Tập và Chứng Đạo Ca một quyển được lưu hành ở đời.

-----

## **KHẮC LẠI BÀI TỰA THIÊN NGUYÊN CHƯ THIÊN**

Đạo không thể tự nói phải nhờ người mới nói lên được. Dù nói khác nhau, nhưng đạo chưa từng khác, nếu không giống nhau thì không tu thể cho là đạo. Như Nhất Quán của Trọng Ni, vô vi của Lão Nhiễm, Không Tích của Thích-ca, người có khác nhưng đạo thì giống nhau, đây là nói về sở chứng của nó. Huống nữa hai tông Thiên và giáo xuất phát từ Đức Phật. Thiên là tâm Phật, giáo là miệng Phật, há là tâm miệng có mâu thuẫn nhau ư? Cớ sao cách chư Thánh xa, mỗi người kế thừa thầy khác nhau, giáo chỉ trích Thiên là ám chứng, Thiên xem giáo là tiêm tu. Sáng hay tối là vì chưa đạt được điểm chung của nó, không biết đốn tiêm chỉ là tạm đặt, nhưng họ cứ gièm pha lẫn nhau dần dần đưa đến oán thù. Không chỉ cổ xúy nói suông mà còn viết lên thành sách. Đạo ở đời ngày càng đi xuống, tệ hại như vậy thì làm sao? Khi xưa Thiên sư Khuê Phong âu lo điều này, nên đem những điều Thiên và Giáo của chư Tổ biên chép văn cú ý chỉ hợp nhau viết thành một quyển gọi là “Thiên Nguyên Chư Thuyền” để chỉ dạy cho đời, để làm cho học giả hai tông biết một Phật không có hai đạo, nước bốn công vị không khác nhau, tất cả lời nói đều trở về điều tốt đẹp, mãi mãi không hoại mầm giống, công của Thiên Nguyên Chư Thuyền há lường được sao? Mỗi lần tôi thấy phương Nam có tệ hại này, mong có một người gạch một gạch xóa sạch tập khí cũ, cùng nhau duy trì tư tưởng mới đạt đến điều này, lúc nào cũng bỏ ăn mà than những điều này. Nay Đại sư Tổng Thống Tuyết Đường như có được chỗ khế hội, chỉ bỏ bớt làm theo sở trường viết lại tư tưởng mới để in thành sách lưu truyền rộng. Sách đi xa ngàn dặm chốt để làm tựa dẫn, Tướng quốc Bùi Hưu đã thuật ở trước. Tự thấy người nào lấn lướt điều này dùng lời chê trách để lại cho thức giả, nhưng sách này bình sanh đã được người ưa chuộng, may sao được ghi tên thời gian này, cho nên không để lại. Tháng bảy năm thứ bảy niên hiệu Đại Đức ở con Sơn Tiên Nghiêm Vô Ngại Duy Đại làm tựa.

-----

## **TỰ THIÊN NGUYÊN THUYỀN KHẮC IN LẠI**

Thiên Nguyên Thuyền là tác phẩm của Thiên sư Khuê Phong viết vào thời Đường. Đạo của Phật rộng khắp pháp giới, nhưng thu nhỏ đưa vào vi trần chẳng phải có chẳng phải không suông, không trong, không ngoài. Người học thiên đời sau, ý chí muốn đạt đến thật tướng, cho rằng ngôn ngữ rườm rà nhỏ nhen. Người lập giáo là để nghiên cứu

chân thuyên, cho rằng không tịch là rộng lớn, bỏ các pháp môn khác, nói giáo không được thống nhất há là đạo của Đức Phật vốn như vậy sao? Do đó dùng ba thứ giáo chứng được ba tông của thiên; nghĩa là nương tánh nói tướng, thì dừng vọng tu tâm, phá tướng hiển tánh, thì dứt bật không còn nương tựa. Bày tỏ chân tâm thì nói thẳng tâm tánh. Sông Giang và sông Hán khác dòng nhưng cùng trở về biển trí, chùa mặt khác điệu nhưng cùng về thiên vị, cho đến khác nhau về không tông, tánh tông, khác nhau về đốn tu, tiệm tu nhưng đều hội tụ về một ý chỉ khai thị Chánh giác, nhưng lại lo dễ bị mê hoặc học theo ngọn mà khó ngộ được, thì lại những hành vi bên cạnh mờ ám dùng chí hướng này. Từ khi đốn giác đến ngày thành Phật, Thập trọng là tịnh. Từ bất giác đến chịu quả báo Thập trọng là nhiễm. Nguồn gốc của tịnh, nhiễm nguyên nhân do phạm Thánh. Tâm pháp đều có chân và vọng, gọi là tàng thức. Bất giác mê, chân thành vọng nhiều kiếp chịu kinh hãi. Đốn giác thì bỏ vọng về chân theo giải thoát. Tuy nhiên, học giả phải biết chân như xiển giáo như ngón tay là mục tiêu chỉ mặt trăng. Nếu thấy mặt trăng, thì biết ngón tay hoàn toàn chẳng phải mặt trăng, thì thuyên và đồ cả hai đều quên, ngu trí đều là Bát-nhã, cấu tịnh đều chứng được Bồ-đề, Nam Nhạc, Thiên Thai, Nam Tiên, Bắc Tú và tông chỉ Đạt-ma từ Đông sang không có khác nhau, đâu còn phân biệt Thiên và Giáo ư? Khoảng giữa thời Đường, Tướng quốc Bùi Hưu làm bài tựa này và đích thân vẽ họa đồ này giao cho chùa Diên Xương Kim Châu, về sau truyền cho sư Duy Cảnh, sư Huyền Khế, nhưng bản đồ đi đến giữa Mân, Tương, Ngô Việt. Năm mười hai niên hiệu Chí Nguyên Quốc Triều, Thế tổ ngự ở điện Quảng Hàn hỏi yếu nghĩa thiên giáo. Đế Sư và các kỳ đức dùng Thiên Nguyên Thuyên để đáp lời vua. Vua rất hài lòng và ra lệnh khắc bản để lưu hành ở đời. Hai mươi chín năm sau là năm Quý Mão niên hiệu Đại Đức Thiên sư Đại Nhân nối pháp Tuyết Đường. Thiên sư Nhân phụng chỉ lên núi Ngũ Đài, trên đường về qua Đại Đồng gặp Thiên sư Giác Công Tiệm Am đã vẽ bản đồ, Sư khảo cứu và hiệu đính thêm, và vẽ bằng lụa tốt để truyền đi các nơi xa, để cho Thiên sư Khuê Phong nghiên cứu chân, hiển bày chánh ý chính là giáo hóa chúng sanh mãi không mất, trong đó là vì lợi ích đâu thể lường được. Văn Nguyên và Sư là nơi ngoại đạo, họ tùy hỷ tán thán để làm tựa, lời của Ngài viết thành nhiều quyển. Năm đó nhuận tháng giêng, ứng phụng Hàn lâm học tướng sĩ tả lang đồng tri chế cáo và Quốc sử viện soạn, Tu Quan Ba Tây Đặng Văn Nguyên viết.

-----

## TỰA THIÊN NGUYÊN THUYỀN KHẮC LẠI

Thiên sư Tuyết Đường, trí thức rộng hiểu muôn hạnh viên thông. Thích tu những điều này và ưa thi hành những điều này. Một hôm nói với Tôi: “Tôi từng lo cho người học Phật ở đời, không nghiên cứu nguyên nhân Như Lai thành lập giáo vọng chấp không, nên có cạnh tranh phân chia Đại, Tiểu; Nói đốn, nói tiệm, nói thiên, nói luật, rồi ren om sòm đến ngàn mấy trăm năm. Như bảo vệ chân chân mà làm cho cha thọ bệnh. Tuy gặp hai, một đồng chí có chí khả phát điều này. Đáng tiếc chưa biết nhà mà đã biết cửa. May thay được ngài Khuê Phong đã biên soạn “Thiên Nguyên Thuyền”. Văn của Ngài uyên thâm tao nhã, ý chí thiết thực, xác đáng, đều như bài tựa trước đã lo, đó là lý do đạo này vậy. Hơn nữa tạo bản đồ là để bày tỏ tâm Nhất chân thật để bao hàm ba đại nghĩa. Vô minh duyên với nhiễm các tướng do vọng khởi, nương tu đoạn pháp chứng được nhập lý. Đề cương đưa ra yếu chỉ như ngón tay trong bàn tay.

Khi xưa, tháng giêng năm thứ mười hai niên hiệu Chí Nguyên, Thế tổ Hoàng đế khi việc triều chính xong đến đảo Quỳnh Sa và cho người đi thỉnh Đế Sư; Thái Bảo Văn Trinh Lê Công cũng có ở đó và mời các bậc Kỳ đức ở Kinh đô thưa hỏi nghĩa khác nhau về Thiên và Giáo. Tiên sư Tây Môn Công v.v... cũng tám người đem văn Thiên Nguyên Thuyền của ngài Khuê Phong ra trả lời vua và vua rất hài lòng. Bấy giờ Thiên sư giao cho đệ tử Song Tuyền Thái Công ghi lại điều này và ra lệnh cho ngài Tuyết Đường khắc bản lưu hành ở đời và Tôi đem thưa hỏi các nơi, chưa rảnh đến đây, đến hai chùa Khổ Ân, Hưng Quốc ở Vân Trung mỗi nơi được một bản. Về sau ở phương trượng Vạn thọ kinh đô. Năm thứ tám niên hiệu Thanh Minh, Hoàng Thái Hậu Sùng Thiên Triều Liêu khắc in và ban hành định bản trong thiên hạ. Cùng với những văn sĩ hiệu đính và định khắc bản để lưu truyền lâu dài, thỉnh làm bài tựa. Lời giản dị, trình bày di ý của Tiên sư. Tôi nghe điều này rất vui nói: “Nay tâm của tôi chính là lòng của Khuê Phong từng âu lo cho đời. Nhưng không có văn này thì không giải quyết được những nghi hoặc, không làm tăng thêm sự truyền thừa này để lợi ích chúng sanh đời sau. Người học thấy điều này nhưng tình thức chưa dứt kiến giải chưa sanh, cũng đâu có ích gì?

Người xưa nói có bốn điều khó. Nay hai điều khó không có được một, thì ở các nơi người tham học có thể không phụ ý niệm lợi người hoàng pháp của Nhị sư, hết lòng bài trừ nghiên cứu, tình sạch kiến giải sanh. Như Vương Lương đủ sáu dây cương ngựa đi ngã tư đường. A Sư

lái thuyền Bát-nhã lên bờ kia, há có người nào khác nhau đạt được. Hàng Lâm Đãi Chế Triều Liệt Đại Phu đồng đính chính. Sử Quốc Giá Nhữ Chu làm tựa.

-----

## TỰA THIÊN NGUYÊN CHƯ THUYỀN TẬP ĐỒ TỰ

Thích Sử Bùi Hưu ở Miên Châu đời Đường thuật

Thiền sư Khuê Phong biên soạn Thiên Nguyên Chư Thuyền thành Thiên Tạng và Đồ Tự. Bùi Hưu ở Hà Đông nói: “Chưa từng có, từ khi Đức Như Lai xuất hiện ở đời lập giáo tùy theo căn cơ, Bồ-tát giảng sanh theo bệnh cho thuốc, cho nên chỉ dạy một thời, mở ra ba môn có sâu cạn”. Tâm nhất chân thanh tịnh, diễn bày pháp khác nhau của tánh tướng. Hai bậc Đại sĩ Mã Minh Long Thọ đều hoằng dương thuyết của Đức Phật. Nhưng tánh không khác tông. Hai sư Tuệ Năng, Thần Tú đều truyền tâm của Tổ Đạt-ma, nhưng lãnh thọ đốn tiệm khác nhau. Hà Trạch chỉ thẳng tri kiến, Giang Tây tất cả đều chân, Thiên Thai chỉ nương Tam quán, Ngưu Đầu không có một pháp. Họ phá hữu tướng rỗng không, thâm nhận tướng chân vọng, cướp ngược lấy xuôi, thân chỉ hiển bày thuyết, cho nên Thiên Trúc, Trung Hoa tông này thật nhiều, lý do bệnh có ngàn nguồn nên thuốc sanh ra nhiều loại. Vào cơ tùy theo căn khí không được đồng nhất, tuy đều là môn chứng ngộ, nhưng vào tận cùng đạo chánh chân, thì môn hạ của các tông y ít thông nên phân ra nhiều ban. Nên mấy mươi năm nay pháp của sư càng hoại thêm. Vì kế thừa cửa nhỏ nhưng mỗi mỗi tự mở toan, dùng kinh luận làm can qua, công kích lẫn nhau. Tình theo Hàm, Thỉ mà có thay đổi<sup>1</sup>. Pháp theo nhân ngã cho nên cao thấp, thị phi rồi ren không thể phân tích. Thì người hướng giáo tông Bồ-tát Thế Tôn các phương vừa đủ để nổi lên tranh luận. Người sau tăng thêm bệnh phiền não, đâu có lợi ích gì. Đại sư Khuê Phong từ đâu đã than rằng: “Ta gặp thời này không thể im được”<sup>2</sup>, do đó phải dùng ba thứ giáo nghĩa của Như Lai, để ấn khả ba

(1) Mạnh Tử nói: Người nước Thỉ đâu không nhân nghĩa với người nước Hàm? Người nước Hàm chỉ sợ làm tổn thương người. Người nước Thỉ chỉ sợ không hại được người bởi vì họ học theo nghệ thuật vậy. Nay học giả chỉ tùy theo tông đồ, mình, người trái nhau. Chữ Hàm là theo vận đời Đường. Từ kim hàm là khả giáp. Chu Lễ thì người Hàm là giáp, tức là do người của giáp tạo ra. Chữ xưa phần nhiều chỉ viết như vậy, cho nên Mạnh Tử cũng viết thế

(2) Thi, thư, chánh, lễ, nhạc cực Trọng Ni bất đắc dĩ làm như vậy cho nên thuật lại mà không sáng tác. Thánh nhân quý đạo không quý vết tích. Ý đạo ta tu từ lâu phải có Phật, pháp, tông. Nay bỗng hòa hội các tông, há muốn lập dấu tích? Cũng là bất đắc dĩ thôi, đây là đương thời vậy, đúng là lúc hòa hội

pháp môn của Thiên tông để dung hợp bình, tâm, tâm, xuyên thành một thứ vàng và chấp nhận tô, lạc, đề hồ là một vị. Chấn hưng giềng mối đưa ra những điều đều thuận theo<sup>3</sup>, làm căn cứ thể hội được yếu chỉ mọi người đồng hướng đến, còn sợ học giả không rõ. Lại trình bày thẳng gốc ngọn của Tông Nguyên hòa hợp chân vọng, ẩn hiện tánh không, sai khác của pháp nghĩa, đồng dị của đốn tiệm, hồi hổ của giá biểu, sâu cạn của huyền thật, thị phi của thông bí, đều nhắc nhở bên tai chỉ cho họ biết điều đó. Ngón tay, bàn tay đều chỉ bày bản tâm, dùng tiếng hống Sư tử, dùng những thư đoạn mềm nhuyễn để tiếp độ người, sữa và thuốc để hướng dẫn họ, sợ hại chết yếu hạt giống Phật. Trong lòng ôm ấp nhờ nước trôi lửa cháy, nắm tay và dẫn họ sợ họ rơi vào đường tà. Táo tác và tan rã, đau buồn phải cố gắng tranh đấu. Ánh sáng lớn không thể soi phá được những đêm dài tăm tối. Như cha mẹ không thể bảo bọc người con sau thân. Hoặc thầy ta nâng cao mặt trời Phật và hồi chiếu sâu sắc, một điều nghi cũng trừ hết. Thuận theo tâm Phật mở rộng đại bi, cùng kiếp mong được lợi ích. Vì Đức Thế Tôn là chủ xiển giáo, Thầy ta là người thể hội được giáo, gốc ngọn phù hợp nhau, xa gần chiếu sáng nhau, có thể mọi việc đã dạy xong thời giáo. Hoặc nói, từ Như Lai chưa từng có Đại Đô và thông hiểu điều này. Nay một sớm trái với tông thú và không giữ gìn được. Bỏ cửa phòng ngừa và không còn điểm tựa, không trái với đạo bí tạng mật kế sao?

- Phật ở trong hội Pháp Hoa và Niết-bàn cũng đã dung hội thành một vị; Nhưng người mê không biết, cho nên kinh Niết-bàn Bồ-tát Ca-diếp nói: “Chư Phật có mật ngữ không có mật tạng”. Thế nên khen Ca-diếp nói: “Lời của Như Lai khai phát hiển lộ thanh tịnh không che giấu, người ngu không hiểu cho là bí tạng, người trí hiểu được cho là không che giấu. Để chứng minh điều này, cho nên vương đạo hưng thịnh thì cửa ngoài không đóng nhưng vẫn phòng giữ được giặc Nhung Di. Đạo của Phật đầy đủ các pháp tổng trì nhưng vẫn phòng ngừa với ngoại đạo, không nên cố tình chấp chặt tay ở đây.

Than ôi! Người học đời sau phải tin Phật không nên tin vào người. Phải chứng được pháp gốc, không nên học điều ngọn được như vậy thì không cô phụ đức cù lao của ngài Khuê Phong.

-----

---

(3) Tuân Tử nói